

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **96/2023/DS-ST**

Ngày: 22-8-2023

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P– TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhận dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 10/3/2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1964. Nơi cư trú: số 136, đường NTV, kp1, phường TMT, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L là ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số 251, ấp T H, xã T A, huyện CN, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Út M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: số 52/4, ấp TA, xã T H, huyện T P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2023, bản tự khai ngày 21/8/2023 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trịnh Thị L là ông Nguyễn Minh K trình bày:

Ngày 25/9/2021, ông Nguyễn Út M có vay của bà Trịnh Thị L số tiền 240.000.000 đồng. Ngày 10/11/2021, ông M vay tiếp số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 19/3/2022, ông M tiếp tục vay của bà L số tiền 268.000.000 đồng. Tổng cộng ông M đã vay của bà L số tiền 628.000.000 (Sáu trăm hai mươi tám triệu) đồng để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn trả vào ngày 25/12/2022. Ông M có viết biên nhận xác nhận còn nợ bà L số tiền nêu trên.

Từ năm 2019 đến năm 2022, bà L và ông M có làm ăn chung trong một số lĩnh vực nên ông M đã vay của bà L một số tiền. Sau khi chốt nợ, ông M còn nợ bà L số tiền 1.723.300.000 (Một tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn) đồng, lãi suất 1,5% (thỏa thuận miệng). Ông M hẹn đến ngày 01/9/2022 sẽ hoàn trả số tiền này. Ông M có

viết biên nhận xác nhận còn nợ bà L số tiền này.

Ngoài ra, cũng trong thời gian này, bà L đã cho ông M vay thêm số tiền 311.600.000 (Ba trăm mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng, không lãi suất, thời hạn cuối năm 2022 sẽ hoàn trả cho bà L. Khoản tiền này bà L đã giao trực tiếp cho ông M. Trước đây, do bà L viết nhầm là chuyển khoản cho ông M vay số tiền này nhưng thực tế ông M đã nhận trực tiếp và có xác nhận tin nhắn điện thoại thông qua số điện thoại của ông M là +84 378 888 255 (kèm đoạn tin trao đổi giữa bà L và ông M) nhưng số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi của số tiền này nguyên đơn đã có đơn xin tự nguyện rút không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, số tiền còn lại cho đến nay, ông M không trả nợ gốc và tiền nợ lãi cho bà Loan. Bà L đã nhiều lần gặp trực tiếp và có liên lạc qua điện thoại để yêu cầu trả nợ nhưng ông M không thực hiện. Điều này đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết buộc ông M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc là 2.351.300.000 (Hai tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, ba trăm nghìn) đồng; yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với số tiền 2.351.300.000 đồng kể từ ngày 10/3/2023 đến ngày 22/8/2023 (05 tháng 12 ngày) là 105.807.000 (Một trăm lẻ năm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn) đồng. Tổng cộng là 2.457.107.000 (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, một trăm lẻ bảy nghìn) đồng. Ngoài ra, ông K yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Út M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5 và 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông M trả cho bà L số tiền nợ gốc: 2.351.300.000 đồng và tiền lãi là 105.807.000 đồng. Tổng cộng ông M có nghĩa vụ trả cho bà L 2.457.107.000 đồng.

Đình chỉ phần tiền rút yêu cầu 311.600.000 đồng và 71.719.000 đồng. Là 382.719.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Ltranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Út Mtheo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trịnh Thị Llà ông Nguyễn Minh K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Út Mvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị Lvới ông Nguyễn Út Mđược giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Trịnh Thị Lcó cung cấp cho Toà án Bản chính 02 giấy tờ như sau:

- Biên nhận ngày 02/10/2022 có nội dung: tôi là Nguyễn Út Mđịa chỉ số 52/4, Thanh Hải có mượn của Trịnh Thị Llà vợ tôi số tiền là: 628.000.000 (Sáu trăm hai mươi tám triệu) đồng. Người nhận tiền: ký và ghi tên Nguyễn Út Mít.

- Biên nhận, giấy mượn tiền có nội dung: tôi tên Nguyễn Út Mcó mượn nợ và nhận tiền của Trịnh Thị Lsố tiền là: 1.723.300.000 (Một tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm ngàn) đồng.... Hẹn đến ngày 01/9/2022 tôi trả hết. (Có chữ ký và ghi tên Nguyễn Út Mít).

Xét thấy từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Út Mnhưng ông Mkhông có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Lnên xem như ông Mđã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền của hai biên nhận nợ nêu trên như bà Lkhởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Lcó chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận ông Út Mcó nợ bà Lhai khoản vay theo hai biên nhận trên.

Đối với yêu cầu tính lãi: bà Lyêu cầu ông Mtrả tiền lãi của số tiền 2.351.300.000 đồng, tính từ ngày Tòa án thụ lý là 10/3/2023 đến ngày 22/8/2023 với mức lãi suất 10%/năm là 105.807.000 đồng (tính chẵn số) là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền nợ gốc 311.600.000 đồng và số tiền nợ lãi 71.719.000 đồng, do nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Llà có căn cứ một phần phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Loan. Buộc ông Nguyễn Út Mphải có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị Ltổng số tiền nợ gốc

và lãi là 2.457.107.000 (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, một trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Út Mphải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L. Buộc ông Nguyễn Út Mphải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị L số tiền 2.457.107.000 (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, một trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Út Mphải có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị L số tiền 383.319.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu, ba trăm mười chín nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Út M có nghĩa vụ nộp số tiền 81.142.140 (Tám mươi một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Trịnh Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự Phòan trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.072.000 (Bốn mươi ba triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001903, ngày 10 tháng 3 năm 2023.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết